TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **113**/2025/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà

Ông Đặng Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đức Lam Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 05 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST-DS ngày 15/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S**; Địa chỉ: B - B N, phường X (cũ là phường V, quận C), thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Vũ Quang H – chức vụ: Chuyên viên KHCN – Địa điểm kinh doanh Ngân hàng TMCP S Chi nhánh S1 – Phòng G; Địa chỉ: B N, phường H (cũ là phường H, quận H), thành phố Đà Nẵng. (*Theo Giấy ủy quyền số -/2024/UQ-CNSH ngày 29/10/2024)*. (ông H có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Ngô Thúc B**- sinh năm: 1986; Địa chỉ: K B, tổ B, phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Đăng H1 trình bày:**

Ngày 16/03/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S2) và ông Ngô Thúc B có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông B, S2 đã cấp hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân, thông qua khoản vay đối với thẻ tín dụng quốc tế 356481 – 7270. Lãi suất trong hạn: 2,48%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3,72%/tháng (2,48% x 150%)

Sau khi được cấp thẻ ông B đã thực hiện 25 giao dịch với tổng số tiền là 59.543.098 đồng. Ông B đã thanh toàn cho Ngân hàng với tổng số tiền 81.874.052 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 01/05/2023, ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), S2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông B và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 30/09/2025, ông B còn nợ ngân hàng tổng số tiền: 63.374.003 đồng (*Sáu mươi ba triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm linh ba đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 28.966.922 đồng; lãi 34.407.081 đồng (lãi trong hạn 3.089.664 đồng và lãi quá hạn 31.317.417 đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông B có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông B vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Ngô Thúc B phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/09/2025 là 63.844.886 đồng (*Sáu mươi ba triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 28.966.922 đồng; lãi 34.407.081 đồng (lãi trong hạn 3.089.664 đồng và lãi quá hạn 31.317.417 đồng).

Buộc ông Ngô Thúc B phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

** Bị đơn ông Ngô Thúc B mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lê các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là ông Ngô Thúc B đã không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ các điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/ TT- NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N, điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; Thông tư số 19/2016/TT – NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Ngô Thúc B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 30/09/2025 là 63.844.886 đồng (*Sáu mươi ba triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 28.966.922 đồng; lãi 34.407.081 đồng (lãi trong hạn 3.089.664 đồng và lãi quá hạn 31.317.417 đồng). Ông B phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký phù hợp quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Ngô Thúc B là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ địa chỉ cư trú của bị đơn do nguyên đơn ghi trong đơn khởi kiện là 106 Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng nên ngày 19/12/2024, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ (cũ) đã thụ lý vụ án dân sự số 343/2024//TLST-DS.

Tại văn bản số 146/TL- CAP ngày 22/04/2025, Công an phường H, tỉnh Bình Định cung cấp thông tin: công dân Ngô Thúc B có nơi thường trú tại tổ A, khu phố B, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định; nơi ở hiện tại và tạm trú tại địa chỉ K B, tổ B, phường T, thành phố Đà Nẵng. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ (cũ) đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Thanh Khê (cũ) giải quyết theo thẩm quyền.

Kết quả xác minh tại Công an phường T (cũ) thể hiện: ông B có đăng ký tạm trú từ tháng 03/2024 tại địa chỉ K B, tổ B, phường T (cũ là phường T, quận T), thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên đến tháng 09/2024 đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện nay của ông B nhưng S2 không thực hiện được, cũng không đồng ý thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và hoàn toàn tự chịu trách nhiệm đối với việc không yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do ông B không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người

khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện.

Xét, từ ngày 01/07/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã được thành lập trên cơ sở sáp nhập và kế thừa quyền, nghĩa vụ của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê và Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ nên có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/ NQ- HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Ông Ngô Thúc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung tranh chấp:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: ông Ngô Thúc B đã khởi tạo kích hoạt thẻ tín dụng quốc tế 356481 – 7270 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/03/2018 và ông B đồng ý bị ràng buộc bởi bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Theo đó, căn cứ thu nhập của ông B, S2 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn 2,48%/tháng, lãi suất quá hạn 3,72%/tháng. HĐXX xét thấy các bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng với nội dung không trái các quy định của pháp luật nên công nhận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 16/03/2018 được ký kết giữa S2 và ông B là hợp pháp.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông B đã thực hiện 25 giao dịch với tổng số tiền là 59.543.098 đồng. Ông B đã thanh toàn cho Ngân hàng với tổng số tiền 81.874.052 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 01/05/2023Sacombank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S2

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S2; buộc ông Ngô Thúc B phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 63.844.886 đồng (*Sáu mươi ba triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 28.966.922 đồng; lãi 34.407.081 đồng (lãi trong hạn 3.089.664 đồng và lãi quá hạn 31.317.417 đồng).

Ông B phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/03/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho S2.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của S2 được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Các điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

- Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP S đối với ông Ngô Thúc B.

Buộc ông Ngô Thúc B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 30/09/2025 là 63.844.886 đồng (*Sáu mươi ba triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 28.966.922 đồng; lãi 34.407.081 đồng (lãi trong hạn 3.089.664 đồng và lãi quá hạn 31.317.417 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Ngô Thúc B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/03/2018. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản

quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 3.487.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn đồng)* ông Ngô Thúc B phải chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.603.601 đồng *(Một triệu sáu trăm linh ba ngàn sáu trăm linh một đồng)* cho Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu số 0009403 ngày 18/12//2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng).

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Thủy